

Bản án số: 557 /2019/DS-PT
Ngày 13 tháng 11 năm 2019
“V/v: *Tranh chấp yêu cầu chia thừa
kế quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mươi

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 172/2018/TLPT- DS ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do có kháng cáo của nguyên đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2444/2019/QĐXX-PT ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn B (P), sinh năm 1954; (có mặt)

Địa chỉ: đường 30/4, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Trung T (N), sinh năm 1948 (có mặt)

2.2. Bà Lâm Thị Mỹ L, sinh năm 1950; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A1, xã A2, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Thị Mỹ L là ông Huỳnh Trung T, ông Huỳnh Trung Đ (*theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2016 và ngày 31/5/2018*)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Huỳnh Trung Đ, sinh năm 1980; (có mặt)

3.2. Ông Huỳnh Trung D, sinh năm 1981; (có mặt)

3.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; (có mặt)

3.4. Bà Ngô Kim D, sinh năm 1985; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A1, xã A2, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có luật sư: Nguyễn Kỳ V – Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt)

3.5. Bà Huỳnh Thị N (N), sinh năm 1948; (vắng mặt)

Địa chỉ: 1363 Woodman Ct San Jose, CA 95121, USA.

3.6. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 05-4-2016, đơn khởi kiện bổ sung và thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 03-01-2017 và Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 29-01-2018 của nguyên đơn ông Huỳnh Văn B trình bày:

Ông Huỳnh Văn B và ông Huỳnh Trung T là hai anh em ruột. Cha, mẹ của ông là cụ Huỳnh Văn H (chết năm 1999) và cụ Phạm Thị N (chết năm 1992) có tất cả 03 người con gồm: Huỳnh Trung T, Huỳnh Thị N và Huỳnh Văn B.

Lúc sinh thời, cha mẹ của ông có tạo lập được gần 30 công đất (tầm 03 mét). Vào năm 1992 sau khi mẹ ông chết, cha của ông có chia đất cho các anh em như sau: bà Huỳnh Thị N 05 công, ông B 02 công vườn và 06 công ruộng. Phần còn lại anh của ông là ông Huỳnh Trung T sử dụng. Do điều kiện làm nghề sửa chữa điện tử ở thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng nên ông B cho vợ chồng ông T mượn hết phần đất trên với điều kiện khi nào cần ông sẽ lấy lại để canh tác. Việc ông cho ông T mượn có những người biết như sau: Bà Huỳnh Thị N là chị ruột của ông và ông T. ông Ba Cù L; anh Út Đ là người bàn cận, kế cận với thửa đất; ông Trần Văn Ph, sinh năm 1972, cùng ngụ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ông S là người nhận chuyển nhượng phần đất của chị ông là bà Huỳnh Thị N. Năm 1999 cha ông chết. Sau đó ông T tự ý đăng ký quyền sử dụng đất toàn bộ số đất của cha mẹ để lại, trong đó có phần đất mượn của ông.

Yêu cầu Tòa án giải quyết: Ông B yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Trung

T và bà Lâm Thị Mỹ L trả lại cho ông 02 công đất vườn và 05 công đất ruộng tọa lạc tại ấp A1, xã A2, huyện K, tỉnh Sóc Trăng trong phần đất 22.600m², tại tờ bản đồ số 05, thửa 771 mà ông Huỳnh Trung T đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T414208, cấp ngày 30-7-2001.

Đến ngày 04-01-2017, nguyên đơn ông Huỳnh Văn B có đơn khởi kiện bổ sung và thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu Tòa án chia thừa kế toàn bộ phần đất 22.600m², tại tờ bản đồ số 05, thửa 771 mà hộ ông Huỳnh Trung T đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T414208, cấp ngày 30-7-2001 thành 03 phần bằng nhau, đất tọa lạc tại ấp A1, xã A2, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ông B yêu cầu được nhận một phần đất là 7.533m² do ông Huỳnh Trung T, bà Lâm Thị Mỹ L, ông Huỳnh Trung Đ, ông Huỳnh Trung D, bà Nguyễn Thị T và bà Ngô Kim D đang canh tác.

Ngày 29-01-2018, ông B khởi kiện bổ sung có nội dung như sau: do bà Huỳnh Thị N đã có văn bản về việc từ chối nhận phần di sản thừa kế và đồng ý nhường kỷ phần của bà N lại (nếu có) để Tòa án phân chia theo pháp luật nên ông B yêu cầu giải quyết như sau: Chia thừa kế toàn bộ phần đất có diện tích 24.079m² (theo đo đạc thực tế), phần đất thuộc tờ bản đồ số 05, thửa 771, mà hộ ông Huỳnh Trung T đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T414208, cấp ngày 30-7-2001, theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu được nhận phần đất có diện tích 12.039,5m² (1/2 diện tích đất) do ông Huỳnh Trung T, bà Lâm Thị Mỹ L, ông Huỳnh Trung Đ, ông Huỳnh Trung D, bà Nguyễn Thị T và bà Ngô Kim D đang canh tác.

- Bị đơn ông Huỳnh Trung T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lâm Thị Mỹ L trình bày:

Phần diện tích đất ruộng 22.600m², tại thửa số 771, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp A1, xã A2, huyện K, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc của cha mẹ ông tạo lập và canh tác từ trước tiếp thu năm 1975. Sau khi bà Huỳnh Thị N và ông Huỳnh Văn B lần lượt lập gia đình, ra sống riêng, còn lại ông lập gia đình vẫn sống chung với cha mẹ để canh tác trên diện tích của cha mẹ và để chăm sóc cho cha mẹ lúc tuổi già. Sau tiếp thu khoảng 02 năm, khoảng năm 1977 - 1978, thì cha mẹ ông chia cho bà N diện tích đất ruộng 03 công, sau đó chia diện tích đất ruộng cho ông B 04 công, phần còn lại khoảng hơn 12 công ruộng và 01 công đất vườn cùng với ngôi nhà của cha mẹ cho lại vợ chồng ông để canh tác sinh sống cùng cha mẹ lúc tuổi già. Sau khi được cha mẹ chia đất thì bà N và ông B canh tác được một thời gian có năng suất thu nhập thấp (vì thời điểm này chưa có thủy lợi nội đồng) thì bà N sang bán phần đất của bà N cho ông Lê Văn Q (Sáu Q), rồi ông Q lại sang bán cho ông Lê Văn S, canh tác cho đến nay, còn phần đất 04 công của ông B thì cũng chỉ canh tác một thời gian ngắn thấy khó khăn, canh tác không hiệu quả nên vợ chồng ông B về thị trấn K sinh sống không còn canh tác phần đất này nữa. Vào khoảng năm 1991 - 1992, thì ông B đã sang bán lại số đất ruộng nêu trên cho vợ chồng ông với giá 9,52 chỉ vàng 24k, để lấy chi phí đi học bổ sung thêm nghề điện tử, rồi mở cửa tiệm sửa chữa

điện tử ở thị trấn K để vợ chồng, con cái sinh sống cho đến nay. Như vậy toàn bộ diện tích đất 22.600m² này, trong đó có 04 công ông sang nhượng của ông B, ông đã quản lý canh tác rồi cải tạo từ đất ruộng lên đất vườn trồng cây ăn trái hoàn toàn không ai đứng ra ngăn cản hay tranh chấp gì. Vì vậy, đến khi có đợt đứng ra kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì ông đã làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, được cán bộ địa chính cùng địa phương xuống đo đạc, xác minh về nguồn gốc và diễn biến quá trình sử dụng đất của ông thì bà N, ông B đều biết rõ cũng không hề ngăn cản hay tranh chấp nên đến ngày 30-7-2001, ông đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00425.QSĐĐ và từ đó vợ chồng, con cái ông tiếp tục quản lý, cải tạo canh tác liên tục cho đến nay thì ông B lại khởi kiện yêu cầu “Đòi lại quyền sử dụng đất” của ông B cho ông mượn, nhưng thấy không có cơ sở nên ông B lại thay đổi yêu cầu khởi kiện là chia thừa kế toàn bộ diện tích đất 22.600m² của ông được cấp quyền sử dụng đất là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý, bởi vì:

Thứ nhất: Thực chất toàn bộ số đất ruộng của cha mẹ ông tạo lập được chỉ khoảng 20 công tầm cây và 01 công đất vườn để cất nhà ở, chứ làm sao có được 30 công tầm cây như nội dung đơn khởi kiện mà ông B đã trình bày.

Thứ hai: Tất cả những lời trình bày của bà N và ông B tại các buổi hòa giải cũng như tại các văn bản gửi đến Tòa án đều thừa nhận là đất của cha mẹ khi còn sống đã chia hết cho 03 anh chị em, riêng ông sống chung với cha mẹ, canh tác ruộng đất để nuôi cha mẹ lúc về già nên được cha mẹ chia diện tích đất nhiều hơn, còn đất cha mẹ chia cho bà N thì bà N đã bán cho người khác, còn phần đất cha mẹ chia cho ông B thì ông B đã sang bán lại cho ông để lấy tiền đi học nghề sửa chữa điện tử, việc ông B lấy vàng của ông thì ông B cũng thừa nhận.

Thứ ba: Bản thân ông không có mượn đất của ông B và ông B cũng không có bất cứ chứng cứ gì để chứng minh cho ông mượn đất, ngược lại thì ông B có thừa nhận đã nhận 8,5 chỉ vàng của ông nhưng thực tế ông B sang bán với giá 9,5 chỉ vàng 24k. Như vậy, nếu ông B không sang bán đất thì làm sao nhận vàng của ông. Ông B nói mượn vàng và đã trả cho ông rồi thì không có chứng cứ mượn vàng và trả vàng.

Thứ tư: Khi ông B khởi kiện đến Tòa án yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất cho mượn nhưng khởi kiện của ông B không có cơ sở nên sau đó ông B lại thay đổi yêu cầu chia thừa kế tài sản của cha mẹ chết để lại là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý. Vì rằng: Bà N và ông B thừa nhận khi cha mẹ còn sống đã chia ruộng đất cho ba anh chị em rồi thì làm sao còn quyền sử dụng đất nào của cha mẹ chết để lại nữa mà yêu cầu chia thừa kế. Riêng diện tích 22.600m², tại thửa đất số 771, tờ bản đồ 05 nêu trên là phần diện tích đất được cha mẹ chia cho ông và phần diện tích đất ông đã sang nhượng lại của ông B 04 công, hiện nay ông đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật đất đai thì đây là tài sản thuộc quyền sử dụng của ông không phải là di sản của cha mẹ chết để lại mà yêu cầu chia.

Vì vậy, ông yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông ông Huỳnh

Văn B.

- *Tại Văn bản trả lời và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt đề ngày 13-11-2017 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N trình bày như sau:*

Về nguồn gốc đất: Đây là di sản do cha, mẹ của anh em bà là ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1916 (chết ngày 25-11-1999 âm lịch) và bà Phạm Thị N, sinh năm 1918 (chết ngày 17-5-1992 âm lịch) để lại, ông H và bà N có 03 người con là ông Huỳnh Trung T, bà và ông Huỳnh Văn B, ngoài ra cha mẹ không có con nuôi. Khi còn sống cha, mẹ bà tạo lập được khoảng 30 công tầm 03 mét. Vào năm 1992, sau khi mẹ chết cha bà có chia cho các anh em như sau: Bà được 05 công, ông B 02 công đất vườn và 06 công đất ruộng. Phần còn lại cha và ông T ở chung nên cùng canh tác. Do chưa có nhu cầu canh tác nên ông B cho vợ chồng ông T, bà L mượn hết phần đất nêu trên. Đến năm 1999, cha chết không để lại di chúc. Sau đó 02 năm (năm 2001) ông T tự ý đăng ký quyền sử dụng đất toàn bộ số đất cha mẹ để lại, trong đó có phần đất mượn của ông B. Riêng phần 05 công của bà thì bà đã chuyển nhượng lại cho ông S, nay không tranh chấp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B yêu cầu Tòa án chia thừa kế toàn bộ phần đất 22.600m² nêu trên và ông B yêu cầu được nhận hiện vật là 7.533m² đất thì bà thống nhất. Riêng phần của bà hiện nay bà đang định cư tại Hoa Kỳ, không có nhu cầu sử dụng phần đất này và bà cũng không yêu cầu chia thừa kế cho bà. Khi Tòa án giải quyết vụ án nếu bà được hưởng 01 suất thừa kế theo pháp luật, bà xin từ chối nhận và bà xin nhường lại suất thừa kế của bà để chia đều cho ông B và ông T. Vì bà không có yêu cầu gì trong vụ án này và bà đang ở xa không về quê được nên bà xin từ chối tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà. Bà cam đoan không khiếu nại về sau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Trung Đ, ông Huỳnh Trung D, bà Ngô Kim D, bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:* Thống nhất với lời trình bày của ông Huỳnh Trung T và không có ý kiến gì thêm.

- *Tại Công văn số 134/CV-NHN₀.TD ngày 30-6-2017 của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, có nội dung như sau:* Đối với bị đơn ông Huỳnh Trung T, sinh năm 1948 và bà Lâm Thị Mỹ L, sinh năm 1950. Vào ngày 07-3-2016, ông T, đã thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 414208, thửa 771, tờ bản đồ 05, diện tích 22.600m², đất 2L, tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện K, tỉnh Sóc Trăng để vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi đến ngày 30-6-2017 là 132.000 đồng, hiện nợ trong hạn. Nay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện K, tỉnh Sóc Trăng yêu cầu ông T, bà L trả dứt nợ cho Ngân hàng để rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên trước khi giải quyết tranh chấp và không có ý kiến yêu cầu độc lập khởi kiện đối với ông T và bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn B về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất thuộc thửa 771, tờ bản đồ số 05, diện tích 24.079m², tọa lạc ấp A1, xã A2, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, phần di sản được chia cho các bên như sau:

- Chia cho ông Huỳnh Văn B được hưởng phần di sản là phần diện tích đất 10.000m² thuộc thửa 771 nêu trên, có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa 771, có số đo 152,82m; Hướng Tây giáp phần đất ông Lê Chí L, có số đo 150,66m; Hướng Nam giáp phần đất cặp lộ đal (lộ bê tông), có số đo 65,90m; Hướng Bắc giáp phần đất ông Huỳnh Văn Nh, có số đo 65,95m.

- Chia cho ông Huỳnh Trung T được hưởng di sản là phần diện tích đất 14.079m², thuộc thửa 771 nêu trên, có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Lê Văn S và bờ kênh thủy lợi, có số đo 73,37m + gấp khúc 51,40m + gấp khúc 84,82m; Hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa 771 (*phần đất đã chia cho ông B*), có số đo 152,82m; Hướng Nam giáp phần đất cặp lộ đal (*lộ bê tông*), có số đo 94,13m; Hướng Bắc giáp phần đất của ông Huỳnh Văn Nh, có số đo 73,32m.

(Kèm theo Sơ đồ hiện trạng thửa đất yêu cầu chia thừa kế)

2. Buộc ông Huỳnh Trung T, bà Lâm Thị Mỹ L, ông Huỳnh Trung Đ, ông Huỳnh Trung D, bà Ngô Kim D, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm giao diện tích đất 10.000m² thuộc thửa 771, có tứ cận như đã nêu trên cho ông Huỳnh Văn B (*phần đất mà ông B đã được hưởng*).

3. Ông Huỳnh Văn B được quyền sử dụng các cây trồng trên phần đất được chia là 10.000m² nêu trên, cụ thể như sau: Mận An P loại A 60 cây, loại B 24 cây; Nhãn loại A 200 cây, loại B 60 cây; Vú sữa loại A 26 cây; Chanh loại A 40 cây, loại B 16 cây; Xoài loại B 60 cây, loại C 20 cây; Bưởi loại A 15 cây; Chuối loại A 30 cây.

4. Buộc ông Huỳnh Văn B phải trả giá trị các loại cây trồng trên phần đất 10.000m² nêu trên cho ông Huỳnh Trung T và bà Lâm Thị Mỹ L với tổng giá trị là: 250.100.000 đồng.

Án sơ thẩm còn tuyên chi phí đo đạc, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/8/2018 ông Huỳnh Trung T và ông Huỳnh Trung Đ làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, hai bên không hòa giải được nên tiến hành xét xử phúc thẩm theo luật định.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy, ông B, ông T, bà N đã

nhận đất và sang bán cho người khác, ông B được chia 04 sào đất ruộng, 02 công đất vườn, số còn lại giao cho ông T. Như vậy tài sản cụ Hưng khi còn sống cụ Hưng đã phân chia cho các con, việc ông B kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là không có căn cứ. Do đó đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, ông Đạt sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định 24.079m², tọa lạc ấp A1, xã A2, huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Trung T là di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn H và bà Phạm Thị N chết để lại là không có căn cứ và không phù hợp với quy định của pháp luật bởi các lý do sau:

1] Xét về nguồn gốc đất: Lúc sinh thời ông Huỳnh Văn H và bà Phạm Thị N (*cha mẹ của ông T, ông B, bà N*) tạo lập được khoảng 30 công đất (*tầm 3 mét*). Khi còn sống ông H và bà N đã chia diện tích đất trên cho các con, cụ thể: Ông B 04 công, bà N được chia 05 công, số còn lại để ông T quản lý, vì ông T là người trực tiếp ở với ông H, bà N. Phần đất bà N được chia bà N đã sang bán lại cho ông Q, sau đó ông Q sang bán lại cho ông Lê Văn Suôi, hiện tại ông Suôi đang quản lý canh tác và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bản thân ông Huỳnh Văn B khi được chia 04 công đã trực tiếp quản lý và đăng ký kê khai theo luật định, thể hiện trong sổ kê khai diện tích và thu nộp thuế nông nghiệp đề ngày 19/3/1991, thể hiện ông B có 4000m². Sau đó ông B đã chuyển nhượng diện tích đất trên cho anh mình là ông T để ra thị trấn kinh doanh buôn bán, giữa ông T và ông B không làm hợp đồng chuyển nhượng, nhưng ông B thừa nhận có nhận của ông T 9,52 chỉ vàng 24k, nên có đủ căn cứ kết luận khoản tiền 9,52 chỉ vàng 24k không phải là khoản tiền ông B mượn của ông T mà đây là tiền chuyển nhượng 04 sào đất ruộng ông B chuyển nhượng cho ông T, lời khai của ông T về việc chuyển nhượng 04 sào ruộng của ông B là có căn cứ.

Việc chuyển nhượng còn thể hiện ở chỗ, sau khi chuyển nhượng ông B không còn đăng ký ở sổ kê khai nộp thuế, mà ông T là người trực tiếp kê khai đăng ký diện tích đất trên. Khi nhà nước có chủ trương người sử dụng đất kê khai đăng ký để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông B cũng không đăng ký kê khai. Qua đây cho thấy về ý thức chủ quan ông B nghĩ đã bán cho ông T nên không đăng ký kê khai theo quy định.

[2] Như đã phân tích ở trên khi còn sống ông H, bà N sau khi nhận đất lại từ tập đoàn đã chia cho các con và thực tế các con ông bà (bà N, ông T, ông B) đã nhận phần đất được chia và đã chuyển nhượng diện tích đất được chia cho người khác (bà N chuyển cho ông Q, ông B chuyển cho ông T), ông T không sang nhượng diện tích được chia cho ai mà trực tiếp quản lý, đăng ký kê khai và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó diện tích 24.079m² đất mà ông Huỳnh Trung T được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của ông Huỳnh Trung T không phải là di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn H và bà Phạm Thị N để lại. Tòa án cấp sơ thẩm xác định 24.079m² đất do ông Huỳnh Trung T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản thừa kế do ông H, bà N để lại và chia cho các thừa kế là trái quy định của pháp luật và không phù hợp chứng cứ khách quan của vụ án.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Trung T, sửa toàn bộ án sơ thẩm. Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Trung T (Nê) và ông Huỳnh Trung Đ. Sửa toàn bộ án sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 24.079m² tọa lạc tại ấp A1, xã A2, huyện K, tỉnh Sóc Trăng do ông Huỳnh Trung T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

- Ông Huỳnh Văn B phải chịu án phí số tiền là 49.342.200 đồng, ông B đã nộp 9.375.000 đồng (theo biên lai thu số 0000995 ngày 19/4/2016 và biên lai số 0004086 ngày 04/01/2017 của Chi cục thi hành án huyện K) còn phải nộp tiếp số tiền 39.967.200 đồng.

- Ông Huỳnh Văn B phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là: 19.392.000 đồng, trừ vào số tiền ông B đã tạm ứng trước xem như ông B đã nộp xong.

- Ông Huỳnh Văn B phải chịu chi phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng, trừ vào tiền tạm ứng chi phí ủy thác (theo biên lai số 0001777 ngày 04/7/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng) ông B đã nộp xong.

- Ông Huỳnh Trung T và ông Huỳnh Trung Đ không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Huỳnh Trung Đ và ông Huỳnh Trung T mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí (*theo các biên lai thu số 0004423 và 0004424 cùng ngày 06/8/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng*).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Văn